

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 6 - 2022
V/v: “Ly hôn, tranh về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Lan**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Công Gia**
2. Ông **Trịnh Ngọc Thành**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Xuân Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Bà **Lại Thị Hiền** – Kiểm sát viên.

Ngày 24/6/2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc: “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2022; quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mai T**, sinh năm 1993.

HKTT: Xóm LP, xã SL, huyện HS, tỉnh Hà Tĩnh.

Chỗ ở: Tổ X, Ấp Y, xã ST, huyện TB, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 6, Ấp Y, xã PD, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn vắng mặt, anh H triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2022, lời khai trong quá trình tố tụng ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai T thể hiện:

Chị và anh Trần Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 103, ngày 25/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã PD, huyện TP và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống tại

Tổ X, Ấp Y, xã PĐ, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Tháng 5/2019 anh H bị tai nạn giao thông tuy nhiên đến nay sức khỏe đã hồi phục nhưng tính tình anh H thay đổi dẫn đến mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trầm trọng là do bất đồng quan điểm sống vì tính tình không hòa hợp. Do đó, cuộc sống chung không hạnh phúc, hay xảy ra cãi nhau. Từ tháng 11/2020 cho đến nay, anh chị không sống chung với nhau; trong quá trình không sống chung, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về nuôi con chung: Chị và anh H có con chung là Trần Bảo L, sinh ngày 01/01/2020. Từ tháng 11/2020, cháu L do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị T kê khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý cho anh H. Anh H đã biết được việc Chị T xin ly hôn với anh nhưng không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H nhưng anh không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án Chị T đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân của nguyên đơn, căn cước công dân của bị đơn (bản sao); sổ hộ khẩu (Bản sao), giấy khai sinh của con chung (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); bản tự khai của nguyên đơn; đơn yêu cầu vắng mặt.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân tại địa phương của các đương sự. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị T được ly hôn với anh H.

+ Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Bảo L, sinh ngày 01/01/2020 cho Chị T nuôi dưỡng. Tạm thời miễn cho anh H nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, Chị T vắng mặt do chị có đơn xin vắng mặt, anh H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh H có địa chỉ tại xã PĐ, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Chị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 19/01/2022, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc Chị T xin ly hôn với anh H. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định Chị T là nguyên đơn, anh H là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Nguyên đơn Chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa Chị T và anh H là hợp pháp được Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện TP, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 25/12/2018. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Tại các biên bản xác minh ngày 26/4/2022 tại địa phương thể hiện vợ chồng Chị T, anh H chung sống không hạnh phúc, không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và từ tháng 11/2020 Chị T bỏ ra ngoài sinh sống và không còn chung sống với anh H cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng phai nhạt không có cơ hội để hàn gắn.

Bản thân anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H vẫn không đến Tòa án làm việc, thể hiện anh H không mong muốn hòa giải để vợ chồng cùng đoàn tụ sống chung.

Như vậy, có căn cứ xác định Chị T, anh H đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị T, cho Chị T được ly hôn với anh H.

[2.2]. Về nuôi con chung: có 01 con chung Trần Bảo L, sinh ngày 01/01/2020. Khi ly hôn, các bên đều có quyền được nuôi con, tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh H không có mặt tại Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của anh H đối với yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Do con chung dưới 36 tháng tuổi và quen với môi trường chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Đồng thời Chị T làm công việc kế toán theo hợp đồng lao động tại Công ty, có mức lương ổn định hàng tháng nên đủ điều kiện nuôi dưỡng con. Do đó, cần giữ nguyên nếp sống sinh hoạt hiện nay nhằm đảm bảo ổn định tâm lý cho trẻ để trẻ phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc tiếp tục giao con chung Bảo Long cho Chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tạm thời miễn cho anh H nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do Chị T không yêu cầu. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Do trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H về yêu cầu này vì vậy khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 19, 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai T được ly hôn anh Trần Văn H.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Bảo L, sinh ngày 01/01/2020 cho chị Nguyễn Thị Mai T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời miễn cho anh Trần Văn H nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

2. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) Chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002264 ngày 19/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mai T và anh Trần Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã PĐ, huyện Tân Phú (để ghi vào sổ hộ tịch theo số 103, ngày 25/12/2018);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan

